

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 898/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 27 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Ủy quyền phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025**Căn cứ Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;**Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương;**Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 120/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 3 năm 2025.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước với một số trường hợp cụ thể như sau:

1. Khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m^3 /ngày đêm đến dưới 3.000 m^3 /ngày đêm.

2. Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô quy mô khai thác nhỏ hơn 2 m^3 /giây và có dung tích toàn bộ nhỏ hơn 3 triệu m^3 ; hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô khai thác nhỏ hơn 5 m^3 /giây.

3. Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi đề cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nhỏ hơn 5 m^3 /giây.

4. Hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này có dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3 .

5. Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy nhỏ hơn 2.000 kw.

6. Khai thác nước mặt cho các mục đích khác với quy mô khai thác nhỏ hơn 50.000 m³/ngày đêm.

Điều 2. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp: khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô khai thác trên 10m³/ngày đêm đến nhỏ hơn 20 m³/ngày đêm.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm:

1. Tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến nội dung ủy quyền; không được ủy quyền lại cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được ủy quyền tại quyết định này.

2. Thực hiện đúng các nội dung được ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền.

3. Được sử dụng con dấu của Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với phạm vi ủy quyền tại Điều 1 và sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với phạm vi ủy quyền tại Điều 2 trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

4. Chuẩn bị, bảo đảm các nguồn lực để thực hiện tốt các nội dung được ủy quyền.

5. Chấp hành kế hoạch kiểm tra về nội dung được ủy quyền. Tổng hợp số liệu và báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ hàng năm về Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nội dung được ủy quyền.

Điều 4. Thời gian ủy quyền: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có sự thay đổi, bổ sung quy định của pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ủy quyền phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký: Bùi Minh Thạnh